

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 08 - 7 - 2020

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy;
+ Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2020/HNST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 341/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1970; (Có mặt);

Địa chỉ: ấp 03, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1966; (Có mặt);

Địa chỉ: ấp 03, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn – Bà Trần Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo án sơ thẩm;*

- Nguyên đơn - Bà Trần Thị Th trình bày:

Bà và ông Tr xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Th, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Tr thường nhậu nhẹt, không quan tâm gia đình. Ông bà mới ly thân khoảng hai tháng nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông Tr.

Con chung: có hai con chung tên Nguyễn Hoài L, sinh ngày 04/5/1990 và Nguyễn Hoài B, sinh ngày 12/9/1992 hiện đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung không tranh chấp và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn - ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, ông cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì ngoài việc bà Th tự ý bỏ nhà đi khoảng hai tháng nay nên ông không đồng ý ly hôn do còn thương vợ thương con.

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2020/HN-ST ngày 06 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Th.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

*Ngày 19/3/2020, bà Trần Thị Th có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Văn Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Tr đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Th, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2003 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Tr thường uống rượu, không quan tâm gia đình, có lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà Th nên bà Th bỏ nhà lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê từ năm 2018 đến nay. Ngày 18/12/2019, bà Th nộp đơn xin ly hôn với lý do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông Tr không đồng ý ly hôn với bà Th vì cho rằng ông vẫn còn thương vợ thương con.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Th và ông Tr là có thật và đã trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bản thân ông Tr thường xuyên nhậu nhẹt, không lo phụ giúp gia đình và có những lời lẽ xúc phạm bà Th nên bà đã bỏ nhà đi từ năm 2018 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn, cả hai phải tìm biện pháp khắc phục những thiếu sót trong cuộc sống nhằm duy trì quan hệ hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ông bà không làm được điều này mà để mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, dẫn đến tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, sống ly thân bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, bà Th khẳng định không còn tình cảm với ông Tr và cương quyết xin được ly hôn. Riêng ông Tr mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông Tr cũng không tha thiết hàn gắn.

Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng mâu thuẫn giữa bà Th và ông Tr đã thật sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà Th là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th, sửa bản án sơ thẩm.

- Về con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tại giai đoạn sơ thẩm các đương sự không yêu cầu nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Th được chấp nhận nên bà Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Th.

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2020/HNST ngày 06 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002957 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Bà Trần Thị Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại bà Trần Thị Th 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003266 ngày 19/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã P, H Th, An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã Hậu Mỹ Phú, h. Cái Bè;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Long